

Số: 1164 /BC-LHH

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO PHẢN BIỆN

Đề án “Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”

Thực hiện Công văn số 12098/UBND-NN ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao bổ sung nhiệm vụ tư vấn phản biện năm 2023 cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá (Liên hiệp hội), trong đó có Đề án “Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030” (sau đây viết tắt là Đề án); ngày 16/10/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa đã gửi Công văn số 9614/STNMT-BVMT đề nghị phản biện kèm theo theo dự thảo Đề án và các tài liệu có liên quan. Liên hiệp hội báo cáo kết quả phản biện như sau:

I. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

1. Những kết quả đạt được:

Nhìn chung, cơ quan soạn thảo và đơn vị tư vấn đã sử dụng nhiều phương pháp để điều tra, thu thập tài liệu, số liệu phục vụ xây dựng Đề án. Về cơ bản đã bám sát theo đề cương chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 5510/QĐ-UBND, ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Các số liệu về hiện trạng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan đến Đề án trong các đô thị, khu dân cư đã được thu thập qua báo cáo từ 27 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh và đã có sự kiểm tra, đánh giá, điều tra, khảo sát của đơn vị tư vấn xây dựng Đề án. Về cơ bản các số liệu đã nêu trong Đề án nêu biết cách sắp xếp, lý giải khoa học, bố cục, kết cấu logic và hợp lý; đồng thời dựa trên quy định của pháp luật bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật có liên quan và căn cứ vào thực tiễn, những bài học kinh nghiệm xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường đã được tỉnh và các địa phương trong tỉnh từng xử lý, cơ quan soạn thảo Đề án có thể đề xuất được phương án, kế hoạch di dời và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong phạm vi Đề án đến năm 2030.

2. Những vấn đề cần quan tâm bổ sung, chỉnh sửa:

Nghiên cứu tổng thể các nội dung đã trình bày trong Đề án, căn cứ vào quy định của pháp luật và nghị quyết, chỉ thị của Chính Phủ, Thủ tướng Chính phủ về các vấn đề có liên quan đến Đề án, Hội đồng phản biện nhận thấy rằng:

- **Các vấn đề cần tập trung nghiên cứu để hoàn thiện:** (i) Tập trung nghiên cứu kỹ, quan tâm đầy đủ đến tính khả thi của Đề án; (ii) Xác định đúng đối tượng của Đề án; Đánh giá đúng thực trạng về cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường; thực hiện phân loại theo các các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; (iii) Xác định chính xác bối cảnh tác động đến thực hiện Đề án; xác định đúng, rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện nhằm đảm bảo tính khả thi của Đề án.

- **Lý giải những vấn đề có liên quan:** Cơ quan soạn thảo, đơn vị tư vấn cần làm rõ lý do vì sao trong Đề án lại đề xuất “di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các đô thị, khu dân cư; địa điểm nơi di dời đến bao gồm: Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung. Trong khi đó theo Chỉ thị 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ lại mới chỉ đề cập đến “Di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng” ra khỏi các đô thị, khu dân cư và xác định địa điểm di dời đến chỉ là khu công nghiệp. Đây là vấn đề liên quan đến đối tượng, phạm vi; quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án và nhất là liên quan đến tính khả thi của Đề án, cụ thể là: Liên quan đến nhận thức khác nhau của nhiều chủ thể của đối tượng phải di dời; liên quan đến số lượng cơ sở phải di dời, liên quan đến số lượng loại công nghệ cần đầu tư nâng cấp khắc phục ô nhiễm môi trường, số lượng cơ sở phải chuyển đổi ngành nghề sản xuất, phải thực hiện các giải pháp đảm bảo môi trường...các yếu tố trên cản trở việc thực hiện di dời.

Cần phân tích làm rõ hơn “Bối cảnh, tình hình” thực hiện Đề án: Những thuận lợi; những khó khăn, thách thức khi thực hiện Đề án. Vì khi xây dựng đề án đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát thực trạng cần dự báo, tiên lượng: (i) Tỷ lệ chủ sở hữu cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nói chung cam kết đồng ý thực hiện việc di dời; những yêu cầu của các chủ sở hữu tạo ra sự khó khăn trong quá trình thực hiện; khả năng công nghệ có thể áp dụng để khắc phục ô nhiễm môi trường kể cả đối với cơ sở phải di dời và không phải di dời...; khó khăn, thách thức về nơi tiếp nhận cơ sở di dời (quy hoạch thì có nhưng phải dự báo được tính khả thi của quy hoạch ra sao)...khả năng đáp ứng nguồn vốn phục vụ di dời cả nguồn của Nhà nước và nguồn của doanh nghiệp (*Đề án nêu không rõ, kinh phí dự kiến thực hiện Đề án không dự báo được*).

Từ các nội dung nêu trên Hội đồng Phản biện thấy rằng (với các nội dung đã trình bày trong Đề án): Tính khả thi của Đề án là rất thấp (Một số thành viên hội đồng cho rằng đề án không khả thi). Khuyến nghị Cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu kỹ hơn nữa về cơ sở khoa học và thực tiễn, kinh nghiệm đã có trong tỉnh và việc thực hiện đề án tương tự của các tỉnh, thành phố trong nước (Ví dụ: Bình Dương) để bổ sung căn cứ xác định các nội dung trình bày trong dự thảo Đề án, nhất là đối tượng của Đề án, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án và điều chỉnh các nội dung của Đề án có quy mô phù hợp với khả năng thực hiện để

đảm bảo được tính khả thi. Đồng thời đề nghị điều chỉnh, bổ sung bố cục, kết cấu và nội dung dự thảo Đề án theo các nội dung phản biện Mục II dưới đây.

II. NHỮNG NỘI DUNG PHẢN BIỆN CỤ THỂ:

1. Về tên và bố cục, kết cấu của Đề án:

1.1. Về tên của Đề án: Theo Quyết định số 5510/QĐ-UBND, ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương thì tên Đề án là “Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu đô thị, khu dân cư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”. Tuy nhiên, cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong đô thị, khu dân cư bao gồm các loại hình sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, không phải chỉ mình cơ sở sản xuất; mặt khác có nhiều cơ sở hoạt động không phù hợp quy hoạch đô thị, dân cư; có nhóm cơ sở phù hợp quy hoạch nhưng lại gây ô nhiễm môi trường và có nhóm cơ sở không đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường. Vì vậy, việc điều chỉnh nội dung và bổ sung mốc thời gian thực hiện vào tên Đề án theo Kết luận số 2351-KL/TU ngày 18/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy là phù hợp.

1.2. Về bố cục, kết cấu của Đề án: Bố cục, kết cấu của Đề án cơ bản được xây dựng theo Đề cương được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và có điều chỉnh theo Kết luận số 2351-KL/TU. Hội đồng phản biện khuyến nghị cần nghiên cứu điều chỉnh nội dung, tên một số mục như: **(i) Nghiên cứu điều chỉnh, chính xác:** Tên của “Phần I. Giới thiệu chung về đề án” là không đúng theo đề cương được duyệt và không phù hợp với tên các mục trình bày trong Phần này; Xác định lại tên của Phần II vì không rõ “Thực trạng...” của đối tượng nào; Xác định lại tên Mục II, Phần II “Kết quả đạt được” nhưng nội dung bên trong lại chủ yếu nói về tồn tại, cần xem xét lại vấn đề này. **(ii) Đề nghị bỏ, bổ sung và chuyển:** Bỏ mục VI. Phần I “Tổ chức thực hiện Đề án” (trang 10), Bỏ Mục “IV. Lộ trình thực hiện”: nội dung trình bày trong Mục cơ bản là những nhiệm vụ của Đề án; Bổ sung thêm mục “III. Các phương án xử lý các cơ sở gây ô nhiễm và không phù hợp với quy hoạch” sau Mục II phần III “Quan điểm, mục tiêu”; Chuyển các nội dung trình bày trong Mục “Nhiệm vụ của Đề án” về Phần hiện trạng môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong đô thị, khu dân cư trong tỉnh và Mục “III. Phương án đề xuất xử lý các cơ sở gây ô nhiễm”.

2. Về nội dung của Đề án:

2.1. Phần I. Giới thiệu chung về Đề án

2.1.1. Sự cần thiết: Những nội dung được Cơ quan soạn thảo lý giải về sự cần thiết thực hiện Đề án cơ bản sát với thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong đô thị, khu dân cư trong tỉnh gây ô nhiễm môi trường; đồng thời việc thực hiện Đề án chính là thực hiện Chương trình hành động

số 15-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch hành động số 2999/QĐ-UBND của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có nhiệm vụ của Đề án “Di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi đô thị, khu dân cư”. Từ các vấn đề nêu trên việc xây dựng và thực hiện đề án là rất cần thiết.

Tuy nhiên, để thể hiện đầy đủ tính cấp thiết của Đề án, Hội đồng phản biện khuyến nghị: (i) Bổ sung thêm yêu cầu cấp thiết phải thực hiện quy định tại Điều e khoản 4 Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nêu rõ “*Đẩy nhanh tiến độ di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi các đô thị, khu dân cư tập trung*” và quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nêu rõ “*Di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề và chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề*”. (ii) Cần làm rõ hơn nhu cầu giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây bức xúc cho người dân, chính quyền địa phương (nhu cầu thực tiễn); các khu vực, lĩnh vực trọng tâm có hoạt động gây ô nhiễm môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao để thấy rõ sự cần thiết của Đề án (trong Đề án thể hiện còn chung chung).

2.1.2. Căn cứ xây dựng Đề án:

- **Căn cứ pháp lý:** Về cơ bản đề án đã đề cập đầy đủ các văn bản của Trung ương và của tỉnh. Tuy nhiên, Đề án chỉ nên sử dụng các văn bản có tính quy phạm pháp luật làm căn cứ pháp lý; những văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Tỉnh ủy đã được cụ thể hóa thành kế hoạch hoặc chương trình hành động của Chính phủ, bộ, ngành hoặc UBND tỉnh thực hiện đó là những văn bản có tính pháp lý. Đề nghị: (i) Sắp xếp các căn cứ pháp lý một cách hệ thống, theo đúng trình tự quy định; (ii) Lược bỏ các văn bản không thuộc loại văn bản qui phạm pháp luật (chương trình hành động, kết luận, kế hoạch) và bổ sung thêm Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/12/2013.

- **Căn cứ thực tiễn:** Đề nghị bổ sung cơ sở thực tiễn. Mặc dù Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương đã có văn bản có tính pháp quy về việc di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư. Tuy nhiên, do nhiều lý do khác nhau việc di dời gặp rất nhiều khó khăn, thực tế nhiều địa phương đã không thực hiện được. Để tránh gặp phải những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện thì trước hết việc lập Đề án cần được nghiên cứu bổ sung tình hình thực tiễn chung ở Việt Nam về hoạt động di dời các cơ sở gây ô nhiễm và những kinh nghiệm, bài học kế thừa từ các tỉnh, thành như: Bình Dương, Cần Thơ, Quảng Ninh, Cà Mau, Bà Rịa -

Vũng Tàu (là những địa phương đã đề cập trong Đề án) và thực tiễn triển khai tại Thanh Hóa để bổ sung căn cứ thực tiễn của Đề án.

2.1.3. Đối tượng và phạm vi của Đề án:

- **Đối tượng của Đề án:** Hội đồng phản biện đề nghị xem xét lại đối tượng của Đề án và chỉ nên xác định là “*các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (gọi tắt là cơ sở) gây ô nhiễm môi trường hiện đang hoạt động trong các đô thị và khu dân cư tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh*”, mà không nên đưa đối tượng “*cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường*” vào đối tượng của Đề án. Trong đó: Xác định rõ đối tượng của Đề án là các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, bao gồm: Cơ sở không phù hợp quy hoạch (*theo quy định của pháp luật là phải tự di dời*); cơ sở phù hợp quy hoạch nhưng gây ô nhiễm môi trường và cơ sở không đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường (*thì cần có cách xử lý phù hợp*). Việc xác định đúng đối tượng của Đề án là rất quan trọng để có phương án, giải pháp di dời phù hợp và hiệu quả (*Nhận xét này thống nhất với góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

- **Phạm vi của Đề án:** Thống nhất với phạm vi được xác định trong Đề án về không gian (27 huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Thanh Hóa) và thời gian thực hiện: từ khi đề án được phê duyệt đến năm 2030.

2.1.4. Giải thích từ ngữ: Đề nghị giải thích bổ sung các cụm từ: Cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; Cơ sở có nguy cơ gây sự cố môi trường; Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (Nếu trong Đề án còn đề cập đến các đối tượng này).

2.1.5. Mục VI. Tổ chức thực hiện Đề án: Cần phải xem lại nội dung đã được trình bày trong mục này, khác gì với Phần IV. Tổ chức thực hiện (trang 40). Đây là Đề án của UBND tỉnh giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xây dựng, dù cơ quan, tổ chức nào làm nhiệm vụ tư vấn xây dựng đề án này thì: Chủ đầu tư cũng không phải là Chi cục Bảo vệ môi trường Thanh Hóa và trong Đề án cũng không cần đề cập đến tên đơn vị tư vấn. Hội đồng phản biện đề nghị không kết cấu Mục IV (trang 10) trong Đề án.

2.2. Phần II. Đánh giá thực trạng giai đoạn 2016-2022

Hội đồng phản biện đề nghị tên của Phần II là: “*Thực trạng môi trường trong đô thị và khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2022*” cho phù hợp với tên Đề án.

2.2.1. “Mục I. Tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan của Trung ương và của của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh”: Đề nghị đổi tên thành “*Mục I. Tình hình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường*”. Nội dung trong

mục này cần thể hiện được những chủ trương, quyết định, công việc đã triển khai thực hiện và kết quả đạt được liên quan đến “di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi đô thị, khu dân cư ở tỉnh” chứ không phải chỉ dừng lại ở các nội dung như đã nêu trong dự thảo Đề án (trang 11). Những nội dung liên quan đến tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của công tác này cũng cần được nêu trong Mục III, Phần II của Đề án.

Đề nghị chuyển toàn bộ Tiểu mục 3 (trang 14): “Thực trạng công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường” và kết cấu bố cục vào Tiết 1.3 bổ sung vào Mục I Phần II (cuối trang 11 đầu trang 12). Đồng thời lựa chọn nội dung thích hợp đã trình bày trong Tiểu mục 3 chuyển về Tiết 1.3 nhằm khắc phục tình trạng bố cục không hợp lý như dự thảo Đề án gửi phản biện.

2.2.2. Đối với mục “II. Những kết quả đạt được” (trang 12-18): Hội đồng Phản biện đề nghị đổi tên mục này thành “II. Thực trạng về ô nhiễm môi trường trong đô thị, khu dân cư và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung”. Nội dung của phần này cần được kết cấu thành các Tiểu mục sau: (i) Tiểu mục 1. Thực trạng về ô nhiễm môi trường trong đô thị và khu dân cư; (ii) Tiểu mục 2. Thực trạng ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung; (iii) Tiểu mục 3. Thực trạng về cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong đô thị và khu dân cư; (iv) Tiểu mục 4. Thực trạng về nơi tiếp nhận các cơ sở di dời.

- *Tiểu mục 1. Thực trạng ô nhiễm môi trường tại khu vực đô thị và khu dân cư nông thôn (trang 12-13):* Đề nghị trình bày một cách khái quát, cô đọng về những nhận định, đánh giá phản ánh đúng thực trạng về mức độ ô nhiễm môi trường hiện nay tại đô thị và khu dân cư. Không để tình trạng mâu thuẫn nội hàm tên Tiểu mục 1 và tên các Tiết 1.1 và 1.2 như đã trình bày trong dự thảo Đề án. Các nội dung được trình bày trong Mục II là dữ liệu rất quý và quan trọng phục vụ xây dựng Đề án. Tuy nhiên, phải lựa chọn được nội dung từng phần có ý nghĩa, nội hàm phù hợp đối với vấn đề cần đánh giá chứ không phải có số liệu gì về môi trường thì đều tìm cách để cập nhật vào Đề án.

- *Tiểu mục 2. Thực trạng ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung tại các xã, phường, thị trấn (trang 13-14):* Các nội dung trình bày trong các Tiết 2.1, 2.2, 2.3 trình bày tản mạn, nhiều nội dung không liên quan gì đến “Thực trạng ô nhiễm môi trường ...”. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu và làm rõ mục đích kết cấu Tiểu mục 2 vào Đề án; trường hợp cần thiết thì rà soát đưa các nội dung không liên quan và không phù hợp ra khỏi tiểu mục này.

- *Tiểu mục 3. Thực trạng về cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong đô thị và khu dân cư (là Tiểu mục Hội đồng phản biện đề nghị bổ sung):* Đây là nội dung

quan trọng nhất cần được trình bày chi tiết, đầy đủ về thực trạng số lượng, loại hình sản xuất, mức độ gây ô nhiễm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; số cơ sở phù hợp, không phù hợp quy hoạch; số cơ sở phù hợp với quy hoạch nhưng không đảm bảo về khoảng cách an toàn môi trường; những giải pháp, công cụ kỹ thuật, công nghệ được áp dụng trong xử lý, quản lý nguồn thải, ô nhiễm (mức độ, hiệu quả áp dụng, tồn tại, bất cập, nguyên nhân ...).

- *Tiểu mục 4. Thực trạng về nơi tiếp nhận cơ sở di dời:* Trong tiểu mục này cần trình bày rõ về khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất nơi dự kiến tiếp nhận các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong đô thị, khu dân cư chuyển đến (số liệu hiện tại khu vực, đối tượng có khả năng tiếp nhận các cơ sở di dời; những khó khăn, vướng mắc) làm căn cứ để đề xuất: Phương án di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường phù hợp với điều kiện và khả năng tiếp nhận và xác định thời điểm có thể tổ chức di dời phù hợp.

2.2.3. Đối với mục “III. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân” (trang 18-19): Đề nghị đổi tên Mục III thành “Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân”.

- *Về tồn tại, hạn chế đã được nêu trong dự thảo:* (i) Theo “Phản biện” thì những nội dung nêu trong hạn chế này có thể là nguyên nhân của ô nhiễm môi trường trong một số đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung. (ii) Tương tự hạn chế, tồn tại thứ 2 không phải là tồn tại liên quan đến cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường (những vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất, không trong quy hoạch, không đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường... mới là tồn tại, hạn chế của các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm hiện nay trong đô thị, khu dân cư). Các tồn tại, hạn chế 3 và 4 cần được chỉnh sửa, hoàn thiện đảm bảo tính chính xác về nội hàm đối tượng của Đề án.

Đối với hạn chế trong xử lý rác thải, Đề án đã đề cập đến việc chậm triển khai thực hiện dự án xử lý rác thải theo quy hoạch, công nghệ tiên tiến chưa được áp dụng (trang 18). Đề nghị bổ sung và nhấn mạnh đối với các dự án xử lý rác thải đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều năm nhưng vẫn chưa triển khai thực hiện có hiệu quả.

- *Về nguyên nhân:* Tương tự như cách đã trình bày trong mục tồn tại, khuyết điểm của dự thảo Đề án, nội dung trình bày trong các nhóm nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan các nhận định chưa chính xác, nhiều nội dung không liên quan cần nhận định đánh giá trong Đề án (Ví dụ nhận định thứ nhất “Tỉnh Thanh Hóa là tỉnh rộng, dân số đông...nhân dân trong tỉnh” là nguyên nhân của hạn chế, yếu kém nào; nhóm nguyên nhân thứ 2 diễn đạt rất lủng củng (đang nói về một số văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đã ban hành còn

một số tồn tại như đã trình bày thì lại trình bày đến việc chậm ban hành ảnh hưởng đến việc triển khai trong thực tế...).

+ Đối với nguyên nhân: Đề nghị trên cơ sở thực trạng sản xuất công nghiệp trên địa bàn, rà soát lại và nghiên cứu chỉnh sửa nội dung: “Các cơ sở sản xuất công nghiệp hầu hết có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu...” (trang 19) để có đánh giá phù hợp hơn.

+ Chuyển nội dung: UBND tỉnh chưa ban hành hướng dẫn, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại tiêu mục “2.1. Nguyên nhân khách quan” sang tiêu mục “2.2. Nguyên nhân chủ quan”; đồng thời bổ sung nội dung kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải. Trước mắt ưu tiên xử lý chất thải rắn sinh hoạt và nước thải tại đô thị.

+ Bổ sung nguyên nhân: Công tác quy hoạch tại một số thời điểm của một số ngành, một số địa phương chưa phát huy được đặc tính “đi trước một bước” dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường gây nhiều bức xúc trong Nhân dân (theo thống kê trang trại chăn nuôi chiếm 49,15%).

2.2.4. Đối với mục “IV. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm” (trang 20): Cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu lý giải việc kết cấu mục này trong Đề án có cần thiết và phù hợp không. Theo Hội đồng phản biện là không nên kết cấu Mục IV này vào Đề án.

2.3. Phần III. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu (giai đoạn 2023 – 2030)

2.3.1. Quan điểm: Thống nhất với 03 nhóm quan điểm đã được cơ quan soạn thảo đưa vào trong Đề án. Tuy nhiên, cần xác định quan điểm đối với chính quyền cấp huyện, xã trong việc thực hiện Đề án.

2.3.2. Mục tiêu

- **Mục tiêu chung:** Hội đồng phản biện đề nghị xây dựng mục tiêu chung cần được xác định nhằm: (i) Xây dựng một kế hoạch tổng thể giải quyết triệt để các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường trong đô thị và dân cư nông thôn trên cơ sở các luận cứ khoa học và thực tiễn được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá khách quan về về nguồn gốc gây ô nhiễm; (ii) Tạo sự chuyển biến rõ nét trong việc giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường tồn tại kéo dài; (iii) thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Thanh Hóa trở thành tỉnh phát triển bền vững, giàu đẹp, văn minh; (iv) Phấn đấu đến năm 2030 giải quyết dứt điểm nguồn thải ô nhiễm từ các cơ sở gây ô nhiễm trong khu đô thị và khu dân cư.

- **Mục tiêu cụ thể:** Theo Hội đồng phản biện là cần phải tập trung nghiên cứu xác định mục tiêu cụ thể ở 2 mốc thời điểm 2025 và 2030 theo hướng:

+ Đến năm 2025: (i) Hoàn thành việc phân loại đối tượng các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong đô thị, khu dân cư (bao gồm: cơ sở gây ô nhiễm môi trường không phù hợp với quy hoạch; cơ sở phù hợp quy hoạch nhưng gây ô nhiễm môi trường; cơ sở không đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường). (ii) Hoàn thành xây dựng kế hoạch di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, kế hoạch đầu tư nâng cấp công nghệ sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở phù hợp quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi nghề đối với các cơ sở gây ô nhiễm không di dời. (iii) Cấp thẩm quyền phê duyệt kế hoạch di dời, kế hoạch nâng cấp công nghệ, kế hoạch chuyển đổi nghề. (iv) Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đai đảm bảo đủ điều kiện để tiếp nhận các cơ sở trong kế hoạch di dời.

+ Đến năm 2030: (i) Giai đoạn 2026 – 2027: Tập trung di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp với quy hoạch và không đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường ra khỏi khu dân cư, đô thị tại 2 thành phố (TP Thanh Hóa, TP Sầm Sơn) và 02 thị xã (TX Nghi Sơn, TX Bim Sơn); (ii) Giai đoạn 2028 – 2030: Xử lý dứt điểm các cơ sở còn lại của Đề án.

2.3.3. Nhiệm vụ và giải pháp

- **Nhiệm vụ:** Qua nghiên cứu các nhóm nhiệm vụ được đặt ra trong Đề án gồm nhiệm vụ 1.1. và 1.2 cũng như các nhiệm vụ trong từng nhóm thì thấy đây là những công việc đã có, đã làm trong khi đó nhiệm vụ của Đề án là dự kiến những nội dung công việc sẽ thực hiện khi Đề án được UBND tỉnh phê duyệt. Từ những vấn đề nêu trên Hội đồng phản biện khuyến nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu lại vấn đề này. Thực chất của vấn đề về nhóm nhiệm vụ thứ nhất đã được cơ quan soạn thảo thu thập số liệu từ số liệu trong Niên giám thống kê, số liệu báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố để phân tích, đánh giá, dự báo hiện trạng, phân loại được 817 cơ sở gây ô nhiễm, có nguy cơ gây ô nhiễm trong khu đô thị và dân cư của tỉnh hiện nay. Tuy nhiên, cần nêu rõ việc xử lý dữ liệu có được từ các nguồn trên với kết quả khảo sát thực tế của Sở Tài nguyên Môi trường (được đề cập trong Phương pháp thực hiện) có vênh nhau không, có bất cập gì, nhất là độ tin cậy của dữ liệu, xử lý như thế nào?. Theo Hội đồng phản biện thì độ tin cậy là không cao vì hiện nay tỉnh Thanh Hóa có 559 xã, phường, thị trấn, nếu mỗi đơn vị chỉ cần có 02 cơ sở gây ô nhiễm, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thì cả tỉnh số lượng chắc chắn phải lớn hơn 817 cơ sở rất nhiều. Bên cạnh đó, một số đơn vị báo cáo không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường (như: Thị xã Bim Sơn, huyện Quảng Xương, huyện Nông Cống, huyện Vĩnh Lộc...) là không đúng thực tế. Ngoài ra, cần phân tích kỹ và tập trung vào việc rà soát, đánh giá khả năng tiếp nhận các cơ sở di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung đã được quy hoạch trên địa bàn các xã, phường, thị trấn, trong kế hoạch thực hiện lý giải việc các cơ sở di dời đưa ra rất cụ thể nhưng nơi tiếp nhận thì vẫn chưa xác

định được, nhất là đối với giai đoạn 2023-2025 (thực chất chỉ còn 2 năm). Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ các vấn đề trên.

Để đề án có bố cục chặt chẽ, thống nhất, khoa học trong trình bày và đảm bảo tính logic Hội đồng phản biện đề nghị chuyển toàn bộ nội dung nhiệm vụ từ trang 22 – 34 về “Phần II. Đánh giá hiện trạng về cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong đô thị và khu dân cư” và kết cấu lại các tiêu mục, tiết cho phù hợp, cân đối nội dung cần trình bày; lược bỏ nội dung không cần thiết.

Việc xác định nhiệm vụ trong Đề án: Sau khi chuyển nội dung đã được chuẩn bị trong dự thảo, nhiệm vụ chính của Đề án là cần xây dựng nhóm nhiệm vụ mới để thực hiện được các mục tiêu đề ra. Cụ thể là cần phải xác định nhiệm vụ tương ứng với mốc của 2 giai đoạn: Nhiệm vụ của Đề án giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn 2026-2030 để giải quyết đạt mục tiêu đề ra. Hội đồng phản biện đề nghị theo hướng sau:

a) Nhiệm vụ của Đề án giai đoạn 2023-2025: (i) Cần rà soát cập nhật số liệu để đánh giá, phân loại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường với các mức độ khác nhau. (ii) nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp, hộ gia đình chủ sở hữu cơ sở sản xuất gây ô nhiễm. (iii) Chỉ đạo các cơ sở gây ô nhiễm xây dựng “Phương án di dời”; “Phương án đầu tư nâng cấp công nghệ sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường”; Phương án chuyển đổi ngành nghề sản xuất gây ô nhiễm sang ngành nghề sản xuất không gây ô nhiễm môi trường”. (iv) Tổ chức thẩm định các phương án. (v) Phê duyệt các phương án.

b) Nhiệm vụ của Đề án giai đoạn 2026-2030: (i) Tổ chức thực hiện các phương án theo 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 (2026-2027); Giai đoạn 2 (2028-2030); (ii) Đánh giá kết quả thực hiện, xử lý các vấn đề phát sinh trong từng phương án, theo từng giai đoạn.

- **Giải pháp thực hiện:** Thống nhất với 5 nhóm giải pháp đã được nêu tên trong Đề án. Hội đồng phản biện khuyến nghị cần trình bày cụ thể chi tiết hơn nữa trong từng giải pháp, tránh trình bày chung chung. Theo quy định các cơ sở thuộc đối tượng áp dụng của Đề án không được đến bù mà chỉ được hưởng các cơ chế, chính sách theo quy định của Nhà nước. Nhưng thực tế nếu không có cơ chế hỗ trợ thì việc thực hiện Đề án sẽ gặp rất nhiều khó khăn, nhất là đối với các cơ sở phải di dời (thực tế đang xảy ra ở tỉnh Bình Dương thông tin trên Đài Truyền hình TW đưa tin trong những ngày qua). Để thực hiện thành công Đề án Hội đồng phản biện khuyến nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu kinh nghiệm của một số tỉnh để đề xuất, kiến nghị giải pháp về cơ chế hỗ trợ di dời, đổi mới công nghệ, chuyển đổi ngành nghề sản xuất.

2.3.4. Mục IV. Lộ trình thực hiện: Đối chiếu với các nội dung trình bày trong mục này cho thấy: (i) Các nội dung được đề cập thực chất là các công việc Đề án sẽ thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (ii) Đề nghị không kết cấu Mục IV vào Đề án mà chuyển nội dung thích hợp trong phần này vào xây dựng nhiệm vụ của Đề án thì mới hợp lý và phù hợp với nhiệm vụ 2 giai đoạn của Đề án.

2.3.5. Mục V. Kinh phí dự kiến thực hiện đề án: Cần phân tích rõ hơn chính sách của tỉnh, việc áp dụng các quy định hiện hành và khả năng về nguồn tài chính đối với việc di dời các cơ sở gây ô nhiễm. Trong báo cáo nêu “không hỗ trợ kinh phí thực hiện. Tuy nhiên, vẫn được hỗ trợ tiền thuê đất, miễn, giảm tiền thuê đất, thuế... theo quy định hiện hành” chỉ có tính nguyên tắc. Để có thể thực hiện được Đề án đề nghị Cơ quan soạn thảo cũng cần khái toán và phân bổ nguồn kinh phí thực hiện Đề án để các cơ quan có liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến và thống nhất mới có cơ sở phê duyệt và làm căn cứ để tỉnh và các địa phương bố trí kinh phí thực hiện hàng năm, giai đoạn, cũng như nhiệm vụ chi theo quy định.

2.4. Phần IV. Tổ chức thực hiện

- Đề nghị cần bổ sung nhiệm vụ và trách nhiệm của Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh; các ngành Công an, Bưu chính viễn thông, Điện lực, Ngân hàng. Về nhiệm vụ của Sở Xây dựng (trang 41) đề nghị bổ sung “hướng dẫn chính quyền các đô thị khẩn trương rà soát bổ sung hoàn thiện quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị trình cấp thẩm quyền phê duyệt, nhằm thỏa mãn các nội dung di dời cơ sở sản xuất ô nhiễm môi trường không phù hợp quy hoạch”. Về nhiệm vụ của Sở Công thương (trang 41) đề nghị bổ sung “tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ưu tiên nguồn vốn đầu tư công để đầu tư ngay một số Cụm công nghiệp cần thiết phục vụ công tác di dời cơ sở sản xuất ô nhiễm môi trường không phù hợp quy hoạch thuộc đề án”; UBND các huyện, thị xã, thành phố cần bổ sung nhiệm vụ vào ý thứ 2 (trang 42) “Bố trí quỹ đất, đề nghị UBND tỉnh ưu tiên nguồn vốn đầu tư công để thành lập và đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu sản xuất tập trung đủ điều kiện tiếp nhận các cơ sở sản xuất ô nhiễm môi trường không phù hợp quy hoạch phải di dời”.

- Đề nghị bổ sung nội dung về giám sát, tăng cường giám sát của các cấp thẩm quyền và cơ quan chuyên môn về việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Phát hiện, ngăn ngừa tình trạng gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tránh bức xúc, khiếu kiện trong nhân dân.

2.5. Kết luận và kiến nghị

- Phần “Kết luận”, đề nghị không nhắc lại các kết quả của các phần mà cần thể hiện những những điều làm được, chưa được và phương hướng giải quyết liên quan đến Đề án này.

- Nội dung phần kiến nghị chưa phù hợp, nên đề cập đến việc ban hành các văn bản, các cơ chế, chính sách, các hoạt động chuẩn bị, hỗ trợ thực hiện Đề án.

III. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN

1. Theo đề cương chi tiết đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện xây dựng đề án này: (i). Về công tác điều tra thu thập phân tích xử lý số liệu đối với 2 thành phố, 2 thị xã (gồm 60 phường), 30 thị trấn của 23 huyện và 469 xã thì số lượng phải di dời các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu vực đô thị, khu dân cư không phải là 817 cơ sở như Đề án nêu mà phải nhiều nhiều hơn nữa; (ii) Để giải quyết di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường cần phải có các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và phù hợp với nhu cầu sản xuất của Nhân dân theo phạm vi, địa bàn hoạt động, đây là bài toán khó đối với tỉnh vì theo báo cáo trong Đề án hiện nay cả tỉnh mới có 2/8 khu công nghiệp, 5/44 cụm công nghiệp và 5 khu sản xuất tập trung đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đủ điều kiện tiếp nhận các cơ sở sản xuất kinh doanh, với số lượng này thì quá ít để thỏa mãn các cơ sở di dời thuộc đề án. Vì vậy, cần nghiên cứu xem xét điều chỉnh đối tượng và phạm vi thực hiện của đề án để đảm bảo tính khả thi.

2. Trong quá trình thực hiện cần phối hợp với các ngành, huyện, thị xã, thành phố để thu thập xử lý, bổ sung thông tin số liệu một cách đầy đủ không bỏ sót (danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường phải di dời nhưng chưa có khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung có khả năng tiếp nhận; số liệu số lao động đang làm việc trong từng cơ sở phải di dời, phải ngừng hoạt động...) để đảm bảo khả năng tiếp nhận các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường không phù hợp quy hoạch trong đô thị, khu dân cư của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung đến năm 2030.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận:

Dự thảo Đề án đã được tổ chức nghiên cứu xây dựng trong thời gian dài (từ năm 2021 đến nay); chủ trì xây dựng là Sở Tài nguyên và Môi trường và đơn vị tư vấn chuyên ngành. Nội dung chuẩn bị của dự thảo có nhiều tư liệu, số liệu có liên quan đến Đề án. Tuy nhiên, chất lượng của Đề án còn nhiều hạn chế, chưa đảm bảo tính khả thi; bố cục và nội dung trình bày còn nhiều bất cập. Cơ quan soạn thảo cần phải tiếp tục đầu tư thời gian và công sức để bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành, huyện, thị, thành phố và nội dung Báo cáo phản biện Đề án.

2. Đề nghị:

2.1. Với UBND tỉnh:

- Đây là đề án khó, phạm vi rộng; ảnh hưởng đến nhiều đối tượng, liên quan đến việc tổ chức của nhiều cấp, ngành, địa phương, vì vậy cần được UBND tỉnh chỉ đạo nghiên cứu kỹ lưỡng đối với việc xác định đối tượng, phạm vi của Đề án; xác định mục tiêu, lựa chọn phương án di dời và các điều kiện đảm bảo một cách chính xác, chi tiết, tránh chung chung không cụ thể, không trọng tâm, trọng điểm và thiếu toàn diện.

- Đề nghị chỉ đạo quyết liệt, giải quyết tháo gỡ khó khăn kịp thời trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của Đề án. Theo quy định kinh phí di dời thuộc về trách nhiệm của chủ sở hữu cơ sở gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên để việc thực hiện Đề án đạt mục tiêu đề ra đề nghị UBND tỉnh cần nghiên cứu trình HĐND tỉnh “Cơ chế hỗ trợ đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường khi di dời ra khỏi các đô thị, khu dân cư”.

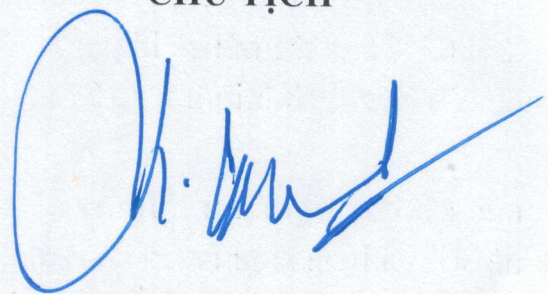
2.2. Với cơ quan soạn thảo (Sở Tài nguyên và Môi trường): Nghiên cứu kỹ những đề nghị trong các nội dung phản biện ở trên để bổ sung hoàn thiện Đề án đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và có tính khả thi khi Đề án được cấp thẩm quyền thông qua và phê duyệt.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa;
- Thường trực LHH;
- Hội đồng phản biện;
- Lưu VT, VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phát